

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 76/2019/HS - PT
Ngày: 11-9-2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Lê Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXPT-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Lê Văn K, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2019/HS-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N.

- Bị cáo kháng cáo: Lê Văn K; sinh năm 1975; nơi sinh và cư trú: Xóm 2, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Phạm Thị D; có vợ là Nguyễn Thị Thu H (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 11-4-2019 (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Phạm Thị D; sinh năm 1944; nơi cư trú: Xóm 2, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn K:

Bà Nguyễn Thị M - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định (có mặt).

- Bị hại: Chị Vũ L A (đã chết).

Người đại diện theo pháp luật của bị hại:

1. Ông Vũ H; sinh năm 1939 (là cha đẻ của bị hại);

2. Bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1949 (là mẹ đẻ của bị hại);

Cùng trú tại: 162 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (có mặt).

3. Anh Trần Văn B; sinh năm 1957 (là chồng của bị hại);

4. Cháu Trần Vũ Diệu Th; sinh ngày 01-12-2006 (là con đẻ của bị hại); người đại diện theo pháp luật của cháu Th là anh Trần Văn B (là cha đẻ của cháu Th);

Cùng trú tại: 129 đường Nguyễn D, phường Nguyễn D, thành phố N, tỉnh Nam Định; anh B có mặt, cháu Th vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 14-10-2018, Lê Văn K (không có giấy phép lái xe mô tô) một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu biển kiểm soát 18P3 – 9654, số khung: A-003499, số máy: MG1- 00003499, D tích xilanh: 97cm³ đi trên đường T, thành phố N theo hướng từ đường L về cầu Đ, thành phố N. Đường T được trải nhựa bằng phẳng, tầm nhìn không bị hạn chế, là đường hai chiều có vạch sơn kẻ liền ở giữa để chia đường thành hai chiều riêng biệt. Lúc này đường T khô ráo, trời nắng, có ít phương tiện tham gia giao thông. Lê Văn K điều khiển xe chạy tốc độ khoảng 35 đến 40 km/h đi ở chiều đường bên phải theo hướng đi của K. Khi K đi đến gần khu vực cổng phụ Ngân hàng Vietinbank thì chị Vũ L A điều khiển xe đạp kiểu dáng mini đi ngược chiều đường T (sát lề đường ngược chiều) theo hướng từ cầu Đ về đường L, thành phố N. Khi đi đến trước khu vực cổng phụ của trụ sở Ngân hàng Vietinbank thì chị L A điều khiển xe đạp rẽ trái sang qua đường T tại nơi có vạch sơn kẻ liền ở giữa đường. Lúc này K điều khiển xe mô tô đi đến, do không chú ý nên K không quan sát thấy chị L A đi xe đạp sang đường. Khi chị L A điều khiển xe đạp cách mép vỉa hè bên phải khoảng 3m (theo chiều đi của K) thì K mới phát hiện ra chị L A đang điều khiển xe đạp cách đầu xe mô tô của K khoảng 1m. Do khoảng cách quá gần nên K không kịp xử lý, xe mô tô biển kiểm soát 18P3 - 9654 của K đã xô vào xe đạp của chị L A (mặt ngoài má lốp bên trái bánh trước xe mô tô va chạm với mặt ngoài giữa khung và chắn bùn phía sau xe đạp) và đẩy rê xe đạp của chị L A về phía trước khoảng 5m thì dừng lại. Chị L A bị ngã đập đầu xuống đất và được đưa vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định để cấp cứu. Hậu quả: Do thương tích nặng nên chị L A đã tử vong vào ngày 15-10-2018.

Bản Kết luận pháp y số 882/GĐKTHS ngày 20-10-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Nguyên nhân tử vong của chị L A là do chấn thương vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ. Cơ chế hình thành vết thương: thương tích vùng chẩm do va đập; các thương tích khác trên cơ thể là do va đập và chà sát.

Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 đoạn video tại camera ở trụ sở Điện lực thành phố N (số 90 T, phường T, thành phố N) ghi lại toàn bộ nội D vụ va chạm giao thông như đã nêu ở trên.

Ngày 23-10-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố N đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định giám định dữ liệu kỹ thuật số và điện tử đoạn video đã thu thập được.

Bản Kết luận giám định số 904/PC09-KL ngày 07-11-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận:

1. Không có dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa nội D trong tệp tin video gửi giám định.

2. Tốc độ của xe mô tô biển kiểm soát 18P3 - 9654 tại thời điểm 13 giờ 14 phút 42 giây ngay trước khi xảy ra va chạm là: 38,8 km/h đến 45,8 km/h.

Tại cơ quan điều tra, Lê Văn K đã khai nhận toàn bộ nội dung vụ việc như trên, đồng thời khai về việc bị cáo có tiền sử mắc bệnh tâm thần, đã khám và điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Nam Định.

Ngày 19-12-2018, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố N đã trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương giám định tâm thần đối với Lê Văn K. Bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 70/KLGĐ ngày 12-3-2019 của Viện Pháp y tâm thần trung ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội đối tượng Lê Văn K có biểu hiện hội chứng nghiện rượu. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F10.2. Đối tượng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tại thời điểm giám định, đối tượng Lê Văn K có biểu hiện rối loạn loạn thần do sử dụng rượu đã điều trị thuyên giảm. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F10.5. Đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, Lê Văn K đã đến gia đình chị L A phúng viếng số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Anh Trịnh Xuân H là người đại diện theo ủy quyền cho những người đại diện theo pháp luật của chị Vũ L A không đề nghị gì thêm về vấn đề bồi thường dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2019/HS-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 357, Điều 584, Điều 591 của Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn K phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

Xử phạt bị cáo Lê Văn K 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 11-4-2019.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về trách nhiệm cấp dưỡng, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/7/2019 bị cáo Lê Văn K có đơn kháng cáo với nội D: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là

đúng người đúng tội, nhưng hình phạt 36 tháng tù là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị xét xử lại cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Hoàn cảnh bị cáo có tiền sử bệnh tâm thần, gia đình bị cáo rất khó khăn, vợ đã ly hôn, bị cáo là lao động chính, phải chăm sóc mẹ già và con nhỏ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về chăm lo cho gia đình và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Th con của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Bị cáo Lê Văn K không có giấy phép lái xe mô tô, không chú ý quan sát nên không giảm tốc độ xe khi có chướng ngại vật, đã xâm phạm đến an toàn giao thông, gây hậu quả nghiêm trọng làm chết 01 người, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ đều đã được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng, hình phạt 36 tháng tù giam đối với bị cáo là phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo phạm tội với lỗi vô ý và một phần có lỗi của người bị hại không quan sát khi sang đường. Bị cáo có tiền sử bị bệnh tâm thần chưa được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 BLHS. Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo. Bị cáo xin giảm án vì muốn sớm được trở về chăm sóc mẹ già nuôi dưỡng con nhỏ đồng thời thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Th. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Do thông cảm với hoàn cảnh gia đình của bị cáo, nên gia đình bị hại đã không đòi hỏi gì về vật chất, mặc dù sự mất mát đau thương là quá lớn, không gì có thể bù đắp được, bị cáo phải nhận thức được sai lầm của mình, kể cả bệnh tật cũng là do bị cáo tự gây ra, cần phải buộc bị cáo chịu hình phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên mới đủ sức giáo dục đối với bị cáo, phòng tránh hậu quả bị cáo tiếp tục gây ra cho xã hội và mới đảm bảo tính răn đe phòng ngừa đối với những hành vi vi phạm Luật giao thông đường bộ nói chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về phần thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị cáo Lê Văn K điều khiển xe mô tô tham gia giao thông khi không có giấy phép lái xe mô tô, không chú ý quan sát khi điều khiển xe, không giảm tốc độ xe khi có chướng ngại vật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến an toàn giao thông, vi phạm khoản 9, khoản 23 Điều 8 và khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ, khoản 1 Điều 5 Thông tư 91/2015/TT-BGTVT ngày 31-12-2015 của Bộ

Giao thông vận tải, gây hậu quả nghiêm trọng làm chết 01 người. Khi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Việc bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại cho gia đình bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; đã được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với quan điểm của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo “Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi” không được cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng bởi vì: Tại Bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 70/KLGD ngày 12-3-2019 của Viện Pháp y tâm thần trung ương đã kết luận: “Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội, Lê Văn K có biểu hiện hội chứng nghiện rượu. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F10.2. Đối tượng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi” (BL91). “Tại thời điểm giám định, đối tượng Lê Văn K có biểu hiện rối loạn loạn thần do sử dụng rượu đã điều trị thuyên giảm. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F10.5. Đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”. Như vậy, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đến thời điểm giám định bị cáo mới bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo cũng xác nhận do bị cáo mãi suy nghĩ việc gia đình nên đã không chú ý quan sát khi tham gia giao thông. Về quan điểm người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS vì “Người bị hại cũng có lỗi” cũng không được Hội đồng xét xử chấp nhận bởi vì theo sơ đồ hiện trường (BL29-30) và dữ liệu trích xuất từ camera (Bl 83, 84) cho thấy việc va chạm giữa bị cáo với người bị hại là do lỗi bị cáo không chú ý quan sát khi điều khiển xe, không giảm tốc độ xe khi có hai xe ô tô đi ngược chiều, vi phạm quy định Luật giao thông đường bộ, còn người bị hại có đủ điều kiện sang đường vì khi sang đường vẫn còn cách bị cáo đến 23m và khi đó 2 xe ô tô cùng chiều đã vừa đi qua. Trong tình huống giao thông như vậy bị hại khó có khả năng quan sát để có thể chủ động tránh bị cáo. Vì vậy, mức hình phạt 3 năm tù cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là cần thiết và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do, tại cấp phúc thẩm gia đình bị cáo xuất trình chứng cứ thể hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, đây là chứng cứ mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng, vì vậy có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và quan điểm của người bào chữa, giảm cho bị cáo một phần hình phạt, giúp bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về thực hiện nghĩa vụ chăm sóc gia đình và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Th, thể hiện bản chất nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn K phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

2. Xử phạt bị cáo Lê Văn K 02 (hai) năm 9 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 11- 4 - 2019;

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo không phải nộp;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người bị thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND-CA tỉnh Nam Định;
- TAND-VKS-CA thành phố N;
- Chi cục THA thành phố N;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết